

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2018

(V/v: ly hôn, nuôi con chung).

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Toàn.

2/ Bà Nguyễn Thị Viêt Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2018 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tú T – sinh năm 1988.

Nơi cư trú: khu phố 13, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Trần Thanh Q – sinh năm 1984.

Nơi cư trú: khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: có mặt bà T, vắng mặt ông Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày:**

Bà Trần Thị Tú T và ông Trần Thanh Q chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P vào ngày 29/4/2010.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 con trai, đôi lúc vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại nhưng mâu thuẫn không

lớn, từ khoảng năm 2015 trở về sau này thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình ông Q thay đổi nhiều so với trước, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Mặc dù vợ chồng có hòa giải nhưng không có kết quả, không khí gia đình luôn căng thẳng, do không thể chung sống với nhau được nữa nên vợ chồng tự sống xa nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông Trần Thanh Q.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Nhật H (nam) – sinh ngày 01/11/2010. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi cháu H mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T trình bày: vẫn giữ ý kiến trên, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng đã tự sống xa nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Q. Về con chung: có 01 cháu tên Trần Nhật H (hiện nay cháu H đang sống với bà T) sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, về tiền cấp dưỡng: theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu H mỗi tháng 5.000.000 đồng, nay bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu H mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Trần Thanh Q, nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện được ý kiến của ông Q về yêu cầu ly hôn của bà T.**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật và vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Tú T là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P vào ngày 29/4/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được với nhau nên đã tự quyết định sống xa nhau gần 2 năm nay, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Tú T được ly hôn ông Trần Thanh Q.

Về con chung: Xét thấy nguyện vọng của cháu H là được ở với mẹ, bà T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con nên tiếp tục giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa bà T đề nghị ông Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu H mỗi tháng 3.000.000 đồng là hợp lý. Do đó căn cứ vào Điều 58, 81, 83 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu H mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

* **Về tố tụng dân sự:** Bà Trần Thị Tú T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là ông Trần Thanh Q hiện cư trú tại khu phố 1, phường P, thành phố P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng ông Trần Thanh Q vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của ông Trần Thanh Q và bà Trần Thị Tú T là hợp pháp. Ông, bà tự nguyện đi đến hôn nhân, chung sống và có đăng ký kết hôn

tại UBND phường P, thành phố P vào ngày 29/4/2010. Theo bà T khai: sau khi cưới vợ chồng sống bình thường hạnh phúc được một thời gian sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Q không có trách nhiệm với gia đình, cách sống không hợp nhau nên vợ chồng hay cãi vã nhau, mặc dù vợ chồng cố gắng hòa giải tiếp tục chung sống để nuôi dạy con chung nhưng thực tế cuộc sống vẫn không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên khoảng 2 năm nay vợ chồng tự quyết định sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông Q.

Do ông Trần Thanh Q vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của bà Trần Thị Tú T.

Xét yêu cầu của bà T HĐXX thấy rằng: Theo luật hôn nhân và gia đình quy định là vợ chồng thì phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, uy tín cho nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, ông bà không còn thương yêu nhau và đã tự quyết định sống xa nhau khoảng 2 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà Trần Thị Tú T được ly hôn với ông Trần Thanh Q.

- **Về con chung:** Ông bà có 01 con chung tên Trần Nhật H (nam) – sinh ngày 01/11/2010, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy hiện nay cháu H đang sống chung với mẹ và cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy sau khi ly hôn nên tiếp tục giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- **Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng:** tại phiên tòa bà T yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu H mỗi tháng 3.000.000 đồng, yêu cầu này cũng phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- **Về án phí:** Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc xin ly hôn, ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tú T.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tú T được ly hôn với ông Trần Thanh Q.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Nhật H (nam) – sinh ngày 01/11/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: ông Trần Thanh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Nhật H mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Trần Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Trần Thanh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con. Ngày 11/01/2018 bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0020313, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với bà Trần Thị Tú T kể từ ngày tuyên án (19/7/2018), đối với ông Trần Thanh Q kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân P
- Tòa án tỉnh Bình Thuận
- Thị hành án dân sự P
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Huân